



THÚ VỊ PHƯƠNG NGỮ VIỆT NAM - KỲ 1:

Xa quê hương đã ba mùa cọ ỏm/Tuổi hai mươi mê mài diệt quân thù/Vê Bến Tre nghe rùng dừa vẫy gọi/Tường cọ xòe, xao xuyên nhớ Trung du". Chỉ với hai từ "cọ ỏm", tác giả Minh Thu đã gợi lên cả hình ảnh và hương vị vùng Trung du Bắc Bộ. Phương ngữ độc đáo và kỳ diệu cũng là vậy.

Họ sẵn sàng nghe một người nói thổ ngữ khác. Nhưng khi người này nói thổ ngữ của mình lại xen vào thổ ngữ của họ thì tỏ ra rất khó chịu, tựa như bị khinh. Đây chính là lý do cho việc tồn tại của thổ ngữ lâu đến thế.

■ MAI NGUYỄN

Phương ngữ là gì?

PGS.TS Phạm Văn Hào, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn cho biết, hằng ngày chúng ta vẫn gặp các nhóm từ như:

- Mẹ - mế, má, u, bầm, đẽ
- Bố/cha - thầy, thày, tía, cậu...
- Thuyền - nóc, nô ọc, ghe, vò, lái...

Trong các từ trên, từ in nghiêng là từ địa phương. Nhìn chung cho đến nay, các nhà Việt ngữ học đều cho rằng: Từ địa phương là từ được sử dụng ở các địa phương. Điều này đúng nhưng chưa đủ. Bởi lẽ, ta không thể lấy nơi xuất hiện của các từ để xác định đó là từ địa phương. Ví dụ, có nhiều từ được dùng ở các địa phương, nhưng không ai cho đó là từ địa phương như bác, chú, anh, em, con, cháu... Có nhiều từ được dùng ở địa phương, người các nơi khác đều biết nhưng không bao giờ được coi là các từ phổ thông: heo (lợn), mè (vừng), thom (dứa), đọi (chén, bát)...

Có nhiều từ vốn xuất hiện ở địa phương, nhưng không có tương đương trong tiếng Việt chung, dễ dàng đi vào vốn từ chung, một khi dùng quen, được nhiều người biết đến. Ví dụ như chôm chôm, măng cụt, bòn bon, rau chùm ngây...

Từ đó, PGS.TS Phạm Văn Hào đề nghị định nghĩa: Từ địa phương là những từ (ngữ) được sử dụng ở địa phương và chúng là các biến thể về âm và nghĩa so với tiếng Việt phổ thông. Biến thể ở đây có thể coi là các khác biệt (tức có đối lập) với từ chung về hình thức (ngữ âm) và nội dung (ngữ nghĩa). Như vậy, nếu không có từ tương đương trong tiếng Việt chung thì đó không phải hoặc chưa phải là từ địa phương. Điều đó được chứng minh: Trước giải phóng (1975) miền Bắc không có quả chôm chôm, măng cụt, bòn bon... Nhưng ngay sau giải phóng, các từ này đi vào tiếng Việt dễ dàng. Và không ai coi đó là từ địa phương.

Còn theo GS.TS Hoàng Thị Châu, phương ngữ là một thuật ngữ ngôn ngữ học để chỉ sự biểu hiện ngôn ngữ toàn dân ở một địa phương cụ thể với những nét khác biệt của nó so với ngôn ngữ toàn dân hay với một phương ngữ khác.

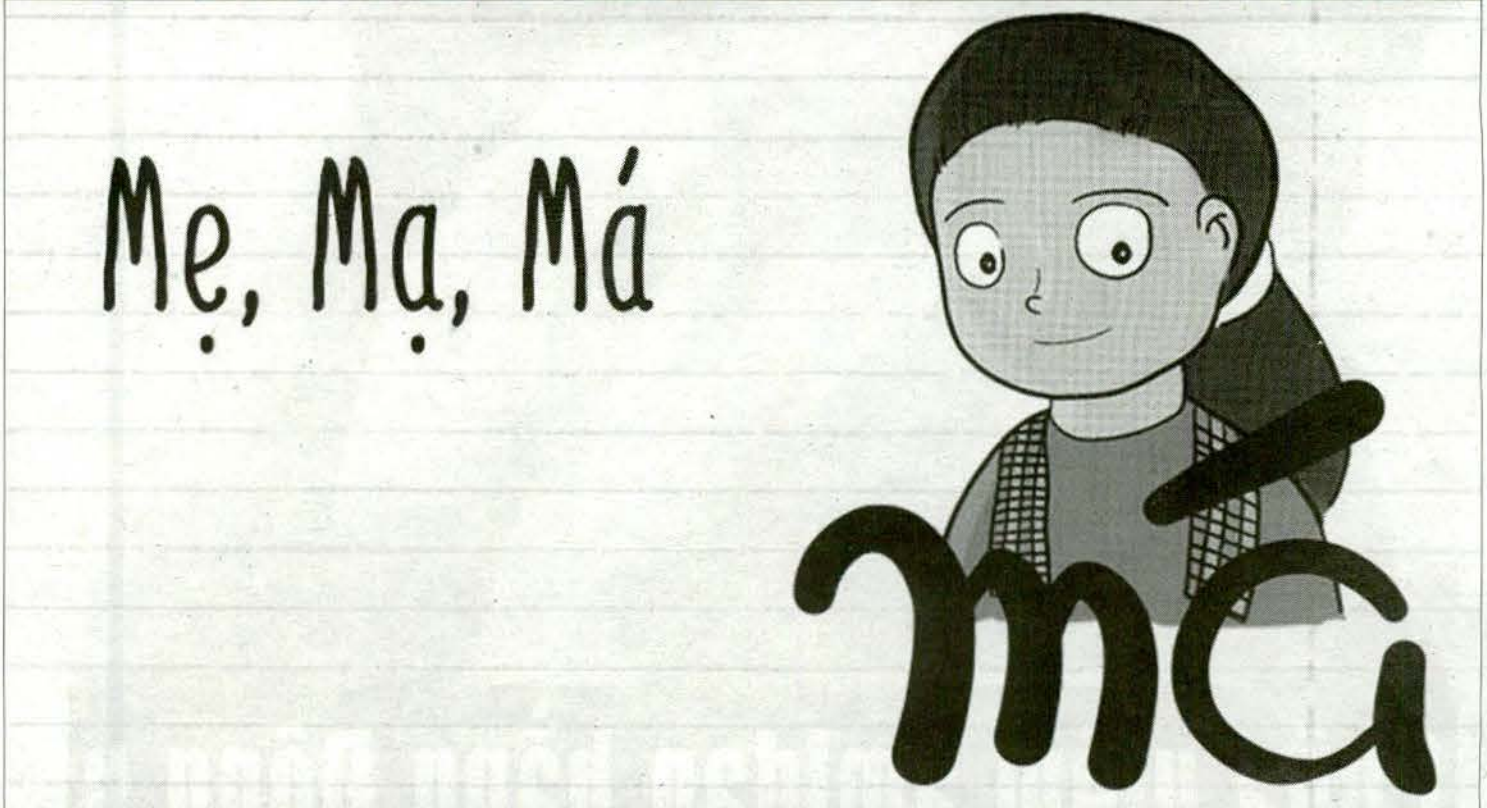
Trước đây, trong các sách thường dùng từ "phương ngôn" theo cách dùng của Trung Quốc. Nhưng vì từ "phương ngôn" trong tiếng Việt đã được dùng để chỉ "tục ngữ ở địa phương" cho nên khi dùng từ này, dễ gây hiểu lầm.

Từ "tiếng địa phương" cũng có thể dùng được, nhưng hình thức cấu tạo không mang tính chặt chẽ của của thuật ngữ như từ "phương ngữ".

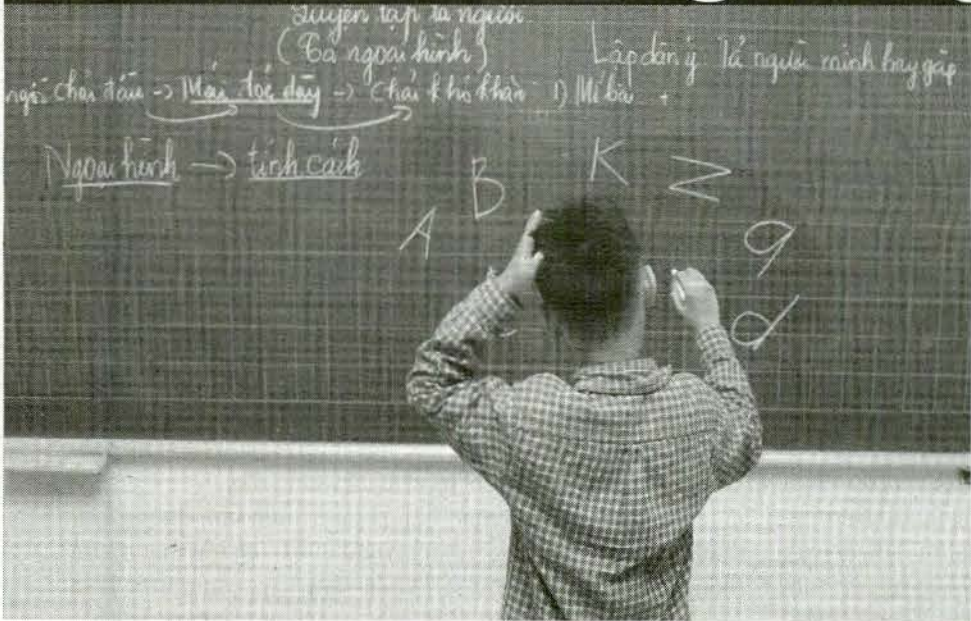
Từ ngữ "thổ âm" hay "giọng địa phương" chỉ nhấn mạnh đến khía cạnh ngữ âm hoặc giọng nói địa phương.

Việt Nam có bao nhiêu phương ngữ?

PGS.TS Phạm Văn Hào cho biết, về số lượng phương ngữ, có nhiều cách phân chia. Theo GS Hoàng Phê, Việt Nam chỉ có hai phương ngữ chính, đó là phương



Chửi cha không bằng pha tiếng



Phương ngữ Bắc: Gồm Bắc Bộ và Thanh Hóa.

Phương ngữ Trung: Từ Nghệ An đến Bình Thuận. Phương ngữ này chia làm hai vùng: Trung Bắc: Từ Nghệ An đến hết Thừa Thiên. Trung Nam: Từ Đà Nẵng đến hết Bình Thuận.

Phương ngữ Nam: Khu vực Nam bộ còn lại.

Theo PGS.TS Phạm Văn Hào, về đại thể, cách phân chia này được nhiều người ủng hộ. Nhưng cũng chỉ là tương đối. Phân chia thế nào không quan trọng, mà cần có cơ sở lý giải cho sự phân chia đó.

ngữ Bắc và Nam. Tuy nhiên, theo PGS Hào, phân chia như vậy chủ yếu theo ranh giới chính trị, nó hơi chung chung.

Theo GS.TS Hoàng Thị Châu, phương ngữ Việt Nam được chia làm 3 vùng: Bắc, Trung, Nam. Còn theo PGS Hào, có 4 phương ngữ. Bởi ngoài tiếng Bắc và Nam, thì tiếng Trung ông lại chia làm hai loại.

"Tôi phân tiếng Trung bộ ra làm đôi. Từ Thanh Hóa trở vào hết Thừa Thiên - Huế, tức là đèo Hải Vân là phương ngữ Trung Bắc. Còn Trung Nam, là từ Đà Nẵng vào hết Bình Thuận. Vì tiếng miền Trung lạ. Ranh giới các tỉnh ngôn ngữ phân biệt vô cùng nhỏ, điều này chỉ có Bắc Trung Bộ (BTB). Còn Nam Trung Bộ bắt đầu vào Quảng Nam xếp theo đôi ba tỉnh, tức là xếp hàng ngang thì tính cắt ngang không rõ nữa. Theo tôi, tiếng BTB lạ nhất vì nó có tính bậc thang. Ví dụ, ta sẽ rất khó phân biệt tiếng Hải Dương giữa tiếng Hưng Yên. Nhưng tiếng Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế khác nhau rất rõ. Lý do là ranh giới các tỉnh có sự chia cắt bởi núi non, vừa là ranh giới tự nhiên, ranh giới hành chính, vừa tạo thành các vùng khép kín từ đó cho ra các phương ngữ khác nhau", PGS.TS Phạm Văn Hào chia sẻ.

PGS.TS Phạm Văn Hào cũng kể một câu chuyện thú vị. Khi ông lên đèo Hải Vân, thì ở hai quán trên đường đèo họ nói hai phương ngữ với ngữ âm khác nhau. Đây là ví dụ rõ nhất cho sự phân chia ranh giới về phương ngữ.

Chém cha không bằng pha tiếng

Có một khía cạnh rất quan trọng ảnh hưởng tới sự hình thành, phát triển phương ngữ, thổ ngữ, đó chính là khía cạnh xã hội. Chúng ta vẫn thường nghe câu: "Chém cha không bằng pha tiếng", "chửi cha không bằng pha tiếng", để nói lên cái điều "cầm kỳ" trong ứng xử giao tiếp của hai đối tượng thuộc hai phương ngữ khác nhau.

Một người có thể sẵn sàng nghe ai đó nói thổ ngữ khác, nhưng khi người đó nói thổ ngữ của mình lại xen vào một hai đặc điểm của họ thì vô cùng khó chịu, gây cảm giác, ấn tượng bị khinh.

Điều này, theo GS.TS Hoàng Thị Châu, là lý do giải thích tại sao thổ ngữ có thể tồn tại lâu như thế, bất chấp thăng trầm. Và nguyên nhân sâu xa của điều này bắt nguồn từ việc các công xã nông thôn Việt Nam là công xã làm ruộng nước. Làm ruộng nước thì phải tát nước, tháo

nước, phòng lụt... buộc người ta phải sống trong một tập thể lớn hơn gia đình, đó là làng xã, tế bào của xã hội Việt Nam.

Mỗi làng xã sẽ có phong tục, tín ngưỡng, hội hè, đình đám, ma chay, cưới xin... tạo nên một diện mạo văn hóa rất độc đáo, đó là văn hóa làng xã. Trong đó, thổ ngữ đóng vai trò không nhỏ.

Không nhất thiết thổ ngữ phải khác nhau nhiều, mà đôi khi chỉ cần một nét khu biệt nhỏ cũng đủ khẳng định mình và khu biệt với nhau. Những người cùng thổ ngữ dù có thể nói ngôn ngữ toàn dân thông thạo, nhưng khi gặp nhau, họ lập tức trở về thổ ngữ của họ. Vì trong thâm tâm, họ thấy nó thân thiết với họ hơn mọi cách diễn đạt khác.

Người Việt Nam cũng không thích rời khỏi làng, tha phương cầu thực. Họ không giống những người di dân sang châu Mỹ với tư cách cá nhân tự mình chiếm lấy một chỗ đứng dưới mặt trời.

Họ chỉ đi với những người cùng làng, cùng xóm. Đến nơi mới, họ sẽ dựng lên ông thành hoàng làng cũ, nhà thờ họ cũ, lại sống quây quần bên nhau thành một đơn vị, có tiếng nói chung - thổ ngữ. Họ ghét bị "pha tiếng", coi đây là sự xúc phạm nặng nề (chửi/chém cha không bằng). Họ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ cùng nhau. Và khi chết, họ sẽ nằm cạnh nhau trong nghĩa trang chung của họ, của làng. (còn tiếp)